

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/ dự toán mua sắm, gói thầu như: địa điểm thực hiện dự án/ dự toán mua sắm, quy mô của dự án/ dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp dịch vụ, thời gian thực hiện và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 05: Bảo dưỡng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa.
- Tên dự toán mua sắm: Nhiệm vụ thực hiện năm 2025 của Chi cục Kiểm ngư Vùng V trực thuộc Cục Kiểm ngư.
- Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm ngư Vùng V.
- Nguồn vốn: NSNN - Chi thủy sản và dịch vụ thủy sản - kinh phí không thường xuyên năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức LCNT: 45 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý III/2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Tại khu vực thuận tiện cho việc nhận vật tư của các tàu Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư Vùng V.

2. Mục tiêu công việc:

- Kiểm tra, bảo dưỡng, cấp lại giấy chứng nhận hàng năm cho phao bè và thay thế vật tư, thiết bị hết hạn, hư hỏng cho 05 tàu Kiểm ngư với số lượng phao bè tự thổi cần bảo dưỡng là 14 chiếc.
- Bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa được trang bị trên các tàu kiểm ngư.
- Bảng phạm vi cung cấp cụ thể:

STT	Hạng mục	Đvt	Số lượng
A	THIẾT BỊ CỨU SINH		
I	CHI PHÍ KIỂM TRA, BẢO DƯỠNG, CẤP LẠI GCN HÀNG NĂM CHO PHAO BÈ		
1	Tàu KN 568	Phao	4

	Chi phí cho 01 phao		
1.1	Bè loại 25Pers. (mở bè, kiểm tra khoang nổi, valve, thiết bị bên trong. Đóng lại, sơn vỏ bè, tên tàu, số DK ..)	bè	1
1.2	Kiểm tra, vệ sinh bảo dưỡng, test bộ nhà thủy tĩnh	bộ	1
1.3	Cấp GCN KTBD	bè	1
2	Tàu KN 506	Phao	2
	Chi phí cho 01 phao		
2.1	Bè loại 25Pers. (mở bè, kiểm tra khoang nổi, valve, thiết bị bên trong. Đóng lại, sơn vỏ bè, tên tàu, số DK ..)	bè	1
2.2	Kiểm tra, vệ sinh bảo dưỡng, test bộ nhà thủy tĩnh	bộ	1
2.3	Cấp GCN KTBD	bè	1
3	Tàu KN 508	Phao	2
	Chi phí cho 01 phao		
3.1	Bè loại 25Pers. (mở bè, kiểm tra khoang nổi, valve, thiết bị bên trong .. Đóng lại, sơn vỏ bè, tên tàu, số DK ..)	bè	1
3.2	Kiểm tra, vệ sinh bảo dưỡng, test bộ nhà thủy tĩnh	bộ	1
3.3	Cấp GCN KTBD	bè	1
4	Tàu KN 595	Phao	3
	Chi phí cho 01 phao		
4.1	Bè loại 25Pers. (mở bè, kiểm tra khoang nổi, valve, thiết bị bên trong .. Đóng lại, sơn vỏ bè, tên tàu, số DK ..)	bè	1
4.2	Kiểm tra, vệ sinh bảo dưỡng, test bộ nhà thủy tĩnh	bộ	1
4.3	Cấp GCN KTBD	bè	1
5	Tàu KN 596	Phao	3
	Chi phí cho 01 phao		
5.1	Bè loại 25Pers. (mở bè, kiểm tra khoang nổi, valve, thiết bị bên trong .. Đóng lại, sơn vỏ bè, tên tàu, số DK ..)	bè	1
5.2	Kiểm tra, vệ sinh bảo dưỡng, test bộ nhà thủy tĩnh	bộ	1
5.3	Cấp GCN KTBD	bè	1

II	VẬT TƯ, THIẾT BỊ THAY THẾ THƯỜNG XUYÊN		
1	Tàu KN 568	Phao	4
	Chi phí cho 01 phao		
1.1	Thuốc cấp cứu - First Aid Kit	Bộ	1
1.2	Phụ tùng sửa chữa - Repair Tool Set (thay mới keo dán - Glue)	Bộ	1
1.3	Thay pin đèn pin kín nước - Water Proof Electric Torch	Bộ	1
1.4	Bộ tem decan dán vỏ bè (6 tem/bộ)	bộ	1
2	Tàu KN 506	Phao	2
	Chi phí cho 01 phao		
2.1	Thuốc cấp cứu - First Aid Kit	Bộ	1
2.2	Tín hiệu khói	quả	2
2.3	Phụ tùng sửa chữa - Repair Tool Set (thay mới keo dán - Glue)	Bộ	1
2.4	Thay pin đèn pin kín nước - Water Proof Electric Torch	Bộ	1
2.5	Bộ tem decan dán vỏ bè (6 tem/bộ)	bộ	1
3	Tàu KN 508	Phao	2
	Chi phí cho 01 phao		
3.1	Thuốc cấp cứu - First Aid Kit	Bộ	1
3.2	Tín hiệu khói	quả	2
3.3	Phụ tùng sửa chữa - Repair Tool Set (thay mới keo dán - Glue)	Bộ	1
3.4	Thay pin đèn pin kín nước - Water Proof Electric Torch	Bộ	1
3.5	Bộ tem decan dán vỏ bè (6 tem/bộ)	bộ	1
4	Tàu KN 595	Phao	3
	Chi phí cho 03 phao		
4.1	Thuốc cấp cứu - First Aid Kit	Bộ	3
4.2	Tín hiệu khói	quả	2
4.3	Phụ tùng sửa chữa - Repair Tool Set (thay mới keo dán - Glue)	Bộ	3
4.4	Thay pin đèn pin kín nước - Water Proof Electric Torch	Bộ	3

4.5	Bộ tem decan dán vỏ bè (6 tem/bộ)	bộ	1
5	Tàu KN 596	Phao	3
	Chi phí cho 03 phao		
5.1	Thuốc cấp cứu - First Aid Kit	Bộ	3
5.2	Tín hiệu khói	quả	4
5.3	Phụ tùng sửa chữa - Repair Tool Set (thay mới keo dán - Glue)	Bộ	3
5.4	Thay pin đèn pin kín nước - Water Proof Electric Torch	Bộ	3
5.5	Bộ tem decan dán vỏ bè (6 tem/bộ)	bộ	1
B	TRANG THIẾT BỊ CỨU HỎA		
I	Tàu KN-506		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng hàng năm bình cứu hỏa xách tay (03 Bình bột, 03 bình CO2)	Bình	6
2	Kiểm tra, bảo dưỡng Trạm chữa cháy cố định CO2	Trạm	1
3	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động	Hệ	1
4	Thay thế bộ điều khiển chỉ báo trung tâm báo cháy trên buồng lái: SALWICO (Product No: 5102013-01A; Serial No: 2000003887)	Bộ	1
5	Phí cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng	Bộ	1
II	Tàu KN-508		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng hàng năm bình cứu hỏa xách tay (03 Bình bột, 03 bình CO2)	Bình	6
2	Kiểm tra, bảo dưỡng Trạm chữa cháy cố định CO2	Trạm	1
3	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động	Hệ	1
4	Phí cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng	Bộ	1
III	Tàu KN-568		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng hàng năm bình cứu hỏa xách tay (03 Bình bột, 03 bình CO2)	Bình	6
2	Kiểm tra, bảo dưỡng Trạm chữa cháy cố định CO2	Trạm	1
3	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động	Hệ	1
4	Phí cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng	Bộ	1
IV	Tàu KN-595		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng hàng năm bình cứu hỏa xách tay (03 Bình bột, 03 bình CO2)	Bình	6

2	Kiểm tra, bảo dưỡng Trạm chữa cháy cố định CO2	Trạm	1
3	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động	Hệ	1
4	Phí cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng	Bộ	1
V	Tàu KN-596		
1	Kiểm tra, bảo dưỡng hàng năm bình cứu hỏa xách tay (03 Bình bột, 03 bình CO2)	Bình	6
2	Kiểm tra, bảo dưỡng Trạm chữa cháy cố định CO2	Trạm	1
3	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động	Hệ	1
4	Phí cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng	Bộ	1
C	Phí GN, vận chuyển Phao bè, trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa & thiết bị thực hiện dịch vụ		
1	Phí tàu xe đi lại, VC vật tư thiết bị cho NV	Lượt	2
2	Phí tháo dỡ bè, trang thiết bị đi kiểm tra và lắp đặt trở lại cho tàu	Bè	2
3	Phí xe vận chuyển bè, trang thiết bị cứu hỏa về trạm KTBD	Lần	4
4	Phí lưu trú, sinh hoạt cho NV tại PQ	Ngày	4

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng Phạm vi cung cấp trên đây để minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng, sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản trình bày về giải pháp và phương pháp luận để thực hiện dịch vụ phi tư vấn theo mẫu dưới đây:

3.1. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ:

- Đơn vị triển khai dịch vụ phải có uy tín, đầy đủ tư cách pháp nhân, có kinh nghiệm chuyên môn về việc bảo dưỡng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa để thực hiện công việc bảo dưỡng hàng năm các trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa cho các tàu Kiểm ngư.

Sản phẩm đầu ra:

- Các phao bè được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hàng năm theo quy định;
- Thay thế vật tư hết hạn hoặc hỏng hóc trong phao bè;
- Trang thiết bị cứu sinh như phao tròn, áo phao, các tín hiệu cấp cứu được kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế vật tư khi cần.

- Trang thiết bị cứu hỏa như áo cứu hỏa, bình thở, các cảm biến khói, nhiệt, chuông báo động khi có cháy được bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế vật tư khi cần.

Đảm bảo hệ thống cứu hỏa luôn sẵn sàng hoạt động. Đặc biệt hệ thống chữa cháy cố định được kiểm tra, cân, thử hoạt động theo đúng quy định.

- Cấp giấy chứng nhận bảo dưỡng hàng năm.

- Phao bè đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật khi các tàu Kiểm ngư thực hiện nhiệm vụ trên biển.

3.2. Yêu cầu về phòng, chống cháy nổ

Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành về an toàn phòng, chống cháy, nổ trong suốt quá trình thực hiện gói thầu.

3.3. Yêu cầu về vệ sinh môi trường

Nhà thầu phải sử dụng các biện pháp hợp lý để đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo quy định vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng tới hoạt động và sinh hoạt bình thường của các công trình lân cận.

Nhà thầu phải dọn dẹp, tổng vệ sinh các hạng mục, thu dọn phế thải (nếu có) để hoàn nguyên cảnh quan khu vực trước khi tiến hành nghiệm thu gói thầu.

3.4. Các yêu cầu về an toàn lao động

Trong quá trình thực hiện gói thầu, Nhà thầu phải đảm bảo an toàn cho người và phương tiện qua lại. Sử dụng các biện pháp chống bụi, chống ồn và bảo đảm cho mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt bình thường tại nơi thực hiện.

Nhà thầu phải có trách nhiệm báo cho Chủ đầu tư về các tai nạn xảy ra trong hoặc ngoài hiện trường mà nhà thầu liên quan trực tiếp, dẫn đến thương tật cho bất cứ người nào thuộc Chủ đầu tư hoặc bên thứ ba. Đầu tiên thông báo được thực hiện bằng lời nói, sau đó lập biên bản chi tiết trong vòng 24 giờ sau khi tai nạn xảy ra.

Nhà thầu phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ cần thiết để đảm bảo cho nhân viên hoặc bất cứ người nào khác trong hoặc ngoài nơi thực hiện khỏi bị nguy hiểm do các phương pháp làm việc của Nhà thầu.

Nhà thầu luôn luôn cung cấp đầy đủ và duy trì tại các vị trí thuận tiện các dụng cụ cứu trợ y tế khẩn cấp đầy đủ và phù hợp, dễ lấy trong hoặc xung quanh công trường và đảm bảo luôn có đội ngũ nhân viên được đào tạo đúng chuyên ngành để có mặt đúng lúc dù gói thầu được thực hiện ở bất cứ nơi nào.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ, trình tự thủ tục nghiệm thu (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

- Các quy định khác sẽ được xác định trong quá trình hoàn thiện hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.